



THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

- 1. Tên tổ chức đấu giá tài sản:** Công ty Đấu giá Hợp danh Điện Biên.
Địa chỉ: tổ 5, phường Thanh Trường, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
- 2. Người có tài sản đấu giá:** Trung tâm quản lý đất đai huyện Mường Chà
Địa chỉ: Tầng 3, trụ sở HĐND - UBND, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.
- 3. Thời gian, địa điểm tổ chức buổi công bố giá:** Bắt đầu từ 08 giờ 00 phút ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại Hội trường UBND thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên
Địa chỉ: Tổ dân phố 6, Thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.
- 4. Tên tài sản đấu giá:** Quyền sử dụng đất để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu A, tổ dân phố 7, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên gồm **33** thửa đất với tổng diện tích **3.507,30 m²** (có chi tiết kèm theo hồ sơ đấu giá).
- 5. Nơi có tài sản đấu giá:** tổ dân phố 7, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.
- 6. Tổng giá khởi điểm (33 thửa đất): 11.276.608.980 đồng** (Bằng chữ: Mười một tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm linh tám ngàn chín trăm tám mươi đồng)
Các thửa đất có giá khởi điểm từ 302.163.540 đồng đến 514.529.400 đồng
- 7. Thời gian, địa điểm tổ chức cho xem tài sản:** Ngày 14,15/11/2022 tại thực địa thửa đất đấu giá thuộc khu A, tổ dân phố 7, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên
- 8. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ (phát hành hồ sơ) đăng ký tham gia đấu giá:** Từ ngày 27/10/2022 đến 17 giờ ngày 18/11/2022 (trong ngày làm việc, giờ hành chính) tại Công ty Đấu giá Hợp danh Điện Biên và Trung tâm Quản lý đất đai huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.
Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ (nộp hồ sơ) đăng ký tham gia đấu giá và phong bì có chứa phiếu trả giá mua tài sản: Từ ngày 27/10/2022 đến 17 giờ ngày 18/11/2022 (trong ngày làm việc, giờ hành chính) tại Trung tâm Quản lý đất đai huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.
Tiền bán hồ sơ: Từ **200.000 đồng đến 500.000 đồng/hồ sơ/thửa đất** (theo quy định tại Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

9. Thời gian nộp tiền đặt trước và giấy nộp tiền đặt trước (bản chính):

Người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước và giấy nộp tiền đặt trước (bản chính): Từ ngày 17/11/2022 đến 11 giờ ngày 21/11/2022 và nộp vào tài khoản số **8907201003828** - Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Mường Chà; Chủ tài khoản: Trung tâm Quản lý đất đai huyện Mường Chà.

Tiền đặt trước: Từ **60.000.000 đồng** đến **100.000.000 đồng/thửa đất**

10. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Người đăng ký tham gia đấu giá không bị cấm theo quy định tại khoản 4, Điều 38 Luật đấu giá tài sản, nộp hồ sơ tham gia đấu giá, tiền hồ sơ và tiền đặt trước theo thông báo trên

Chi tiết xin liên hệ.

- Công ty Đấu giá Hợp danh Điện Biên. ĐT: 0215 3827 868 ; 0386 099 727
- Trung tâm quản lý đất đai huyện Mường Chà. ĐT: 02153.843.568

Nơi nhận:

- UBND huyện Mường Chà (T/B);
- Đài truyền hình tỉnh Điện Biên (T/B);
- Trung tâm quản lý đất đai huyện Mường Chà;
- Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện Mường Chà (T/B);
- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử UBND huyện Mường Chà; Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (<https://dgt.s.moj.gov.vn>); Trang thông tin điện tử Công ty Đấu giá Hợp danh Điện Biên (<https://dgt.sdb.org.vn>);
- Niêm yết (theo quy định);
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu HS/VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Dung



DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT ĐẤU GIÁ

TẠI KHU A, TỔ DÂN PHỐ 7, THỊ TRẤN MƯỜNG CHÀ, HUYỆN MƯỜNG CHÀ

ST T	Thửa số	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm đấu giá QSDĐ (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)
1	41	ODT	101,80	3.234.000	329.221.200	5.000.000	200.000	65.000.000
2	42	ODT	109,30	3.234.000	353.476.200	5.000.000	200.000	70.000.000
3	43	ODT	102,20	3.234.000	330.514.800	5.000.000	200.000	65.000.000
4	44	ODT	102,10	3.234.000	330.191.400	5.000.000	200.000	65.000.000
5	45	ODT	102,40	3.234.000	331.161.600	5.000.000	200.000	65.000.000
6	46	ODT	102,90	3.234.000	332.778.600	5.000.000	200.000	65.000.000
7	47	ODT	103,90	3.234.000	336.012.600	5.000.000	200.000	65.000.000
8	48	ODT	101,60	3.234.000	328.574.400	5.000.000	200.000	65.000.000
9	49	ODT	109,40	3.234.000	353.799.600	10.000.000	200.000	70.000.000
10	56	ODT	102,20	3.234.000	330.514.800	5.000.000	200.000	65.000.000
11	57	ODT	101,70	3.234.000	328.897.800	5.000.000	200.000	65.000.000
12	58	ODT	123,80	3.234.000	400.369.200	5.000.000	200.000	80.000.000
13	59	ODT	98,50	3.234.000	318.549.000	5.000.000	200.000	60.000.000
14	60	ODT	99,50	3.234.000	321.783.000	5.000.000	200.000	60.000.000
15	61	ODT	100,50	3.234.000	325.017.000	5.000.000	200.000	65.000.000
16	62	ODT	101,40	3.234.000	327.927.600	5.000.000	200.000	65.000.000
17	63	ODT	100,80	3.234.000	325.987.200	5.000.000	200.000	65.000.000
18	64	ODT	102,20	3.234.000	330.514.800	5.000.000	200.000	65.000.000
19	65	ODT	103,10	3.234.000	333.425.400	5.000.000	200.000	65.000.000
20	66	ODT	117,90	3.234.000	381.288.600	10.000.000	200.000	75.000.000
21	74	ODT	118,30	3.234.000	382.582.200	10.000.000	200.000	75.000.000
22	75	ODT	97,60	3.234.000	315.638.400	5.000.000	200.000	60.000.000



23	76	ODT	98,10	3.234.000	317.255.400	5.000.000	200.000	60.000.000
24	77	ODT	97,30	3.234.000	314.668.200	5.000.000	200.000	60.000.000
25	78	ODT	98,40	3.234.000	318.225.600	5.000.000	200.000	60.000.000
26	79	ODT	99,20	3.234.000	320.812.800	5.000.000	200.000	60.000.000
27	80	ODT	99,80	3.234.000	322.753.200	5.000.000	200.000	60.000.000
28	93	ODT	159,10	3.234.000	514.529.400	10.000.000	500.000	100.000.000
29	103	ODT	106,90	2.826.600	302.163.540	5.000.000	200.000	60.000.000
30	15	ODT	112,20	3.183.600	357.199.920	5.000.000	200.000	70.000.000
31	28	ODT	106,10	3.183.600	337.779.960	5.000.000	200.000	65.000.000
32	29	ODT	120,90	3.183.600	384.897.240	5.000.000	200.000	75.000.000
33	38	ODT	106,20	3.183.600	338.098.320	5.000.000	200.000	65.000.000
Tổng cộng			3.507,30		11.276.608.980		4.500.000	1.390.000.000